

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-12-2023

V/v tranh chấp ly hôn (không
công nhận quan hệ vợ chồng)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Thìn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Phú Mỹ.

2. Ông Phan Văn Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn (không công nhận quan hệ vợ chồng)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Võ Thị Cẩm T, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số A, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. ***Bị đơn:*** Anh Quan Thanh H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số D, Khóm B, Phường C, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Võ Thị Cẩm T và anh Quan Thanh H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Võ Thị Cẩm T có đơn yêu cầu xét xử vụ án vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án trình bày ý kiến:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H có tự tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng trước khi sống chung vợ chồng vào năm 2004, không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như thường xuyên gây gổ, có những lời nói xúc phạm nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không quan tâm lo lắng kinh tế gia đình, anh H thường đi uống rượu bia khi say về nhà gây gổ, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Từ tháng 6/2023 chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống và từ thời gian này vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau đến nay.

Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh H, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn (không công nhận quan hệ vợ chồng) với anh H. Trường hợp không ly hôn thì chị T cũng không trở về đoàn tụ vợ chồng chung sống với anh H.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Võ Quốc H1, sinh ngày 21/5/2005 và Võ Ngọc Khánh A1, sinh ngày 09/4/2014. Khi ly hôn chị T đồng ý giao con chung Võ Ngọc Khánh A1 cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi cháu A1, hiện cháu A1 đang sống với anh H; Đối với Võ Quốc H1 đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

**** Bị đơn anh Quan Thanh H có đơn yêu cầu giải quyết vụ kiện vắng mặt, có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày ý kiến:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất với phần trình bày của chị T về thời gian tự tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng trước khi sống chung vợ chồng vào năm 2004, không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như thường xuyên gây gổ, có những lời nói xúc phạm nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 6/2023 chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống và từ thời gian này vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau đến nay.

Anh H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh H đồng ý ly hôn (không công nhận quan hệ vợ chồng) với chị T.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Võ Quốc H1, sinh ngày 21/5/2005 và Võ Ngọc Khánh A1, sinh ngày 09/4/2014. Khi ly hôn anh H yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng con chung Võ Ngọc Khánh A1, anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu A1, hiện cháu A1 đang sống với anh H; Đối với Võ Quốc H1 đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị Cẩm T và anh Quan Thanh H.

- Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh H. Giao con chung Võ Ngọc Khánh A1, sinh ngày 09/4/2014 cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi cháu A1, hiện cháu A1 đang sống với anh H; Đối với con chung Võ Quốc H1 đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Do chị T, anh H xác định là không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn là chị Võ Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn (không công nhận quan hệ vợ chồng) với anh Quan Thanh H là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Chị Võ Thị Cẩm T và anh Quan Thanh H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị T, anh H theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Võ Thị Cẩm T về việc yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Quan Thanh H vì giữa chị T và anh H không đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về hôn nhân: Tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”.

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh H chung sống như vợ chồng từ năm 2004, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Lẽ ra khi chị T, anh H chung sống với nhau như vợ chồng thì phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp.

Do chị T, anh H đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H không hợp pháp, vì không được pháp luật công nhận và không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”.

Trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014, vợ chồng thường xuyên gây gổ, có những lời nói xúc phạm nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 6/2023 chị T, anh H đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc cho nhau đến nay, cả hai đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không còn hạnh phúc. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn sự thương yêu, quan tâm lẫn nhau.

Do đó, chị T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh H là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị T, anh H thống nhất giao con chung Võ Ngọc Khánh A1, sinh ngày 09/4/2014 cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi cháu A1, hiện cháu A1 đang sống với anh H, cháu A1 có nguyện vọng sống với anh H; do đó, công nhận sự thỏa thuận này. Đối với con chung Võ Quốc H1 đã trưởng thành và có khả năng lao động không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Do chị T, anh H xác định là không có, không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Thị Cẩm T phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm (*về lý hôn*) theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 264, 271, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị Cẩm T và anh Quan Thanh H.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh H. Giao con chung Võ Ngọc Khánh A1, sinh ngày 09/4/2014 cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu A1 trong vụ án này nên không xem xét, hiện cháu A1 đang sống với anh H. Đối với con chung Võ Quốc H1, sinh ngày 21/5/2005 đã trưởng thành và có khả năng lao động không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Cẩm T nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm (*về lý hôn*). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp ngày 15/11/2023 theo biên lai thu số 0003779 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Thìn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Minh Thìn

